TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2020/HNGĐ – ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2020.
" V/v Ly hôn,tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Tưởng Thị Tuyết;
2. Ông: Tẩn A Liều;

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Tả M.
Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Chảo Kin L.
Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn D, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Hiện đang Thi hành án phạt tù tại Đội 41, phân trại số 1, Trại giam H. Địa chỉ: Xã H huyện Tr, tỉnh Yên Bái.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2020 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Hoàng Tả M trình bày:

Chị và anh Chảo Kin L về chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương từ tháng 11/2001 không đăng ký kết

hôn. Sau khi về ở với nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, sau khi uống rượu về thì vợ chồng cãi chửi nhau. Đến ngày 20/10/2011 anh Chảo Kin L vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát xử với mức án 11 năm 6 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Hiện đang thi hành án tại đội 41, phân trại số 1, Trại giam Hồng Ca. Trong thời gian anh L đi tù, chị đã đến thăm hỏi nhiều lần, mỗi lần đến thăm thì anh Lù lại có lời nói xúc phạm đến chị, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phức tạp, từ tháng 3/2019 chị M không về thăm anh L nữa. Nay chị Mẩy xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh Chảo Kin L sinh được ba con chung, cháu thứ nhất tên là Chảo Tả Mẩy, sinh ngày 29/11/2002; cháu thứ hai tên là Chảo Lở M, sinh ngày 27/6/2005; cháu thứ ba tên là Chảo Láo T, sinh ngày 01/6/2007. Hiện tại cả ba cháu đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi cả ba cháu, không yêu cầu anh Chảo Kin L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2020 anh Chảo Kin L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận anh và chị Hoàng Tả M về ở với nhau từ tháng 11/2001 không đăng ký kết hôn. Sau khi về ở với nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, quá trình chung sống cũng có những mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, đến năm 2011 anh vi phạm pháp luật và đã bị xử phạt 11 năm 6 tháng tù, hiện tại đang thi hành án tại đội 41, phân trại số 1, Trại giam Hồng Ca. Trong thời gian anh cải tạo chị có đến thăm hỏi nhiều lần, nhưng mỗi lần thăm hỏi thì lại phát sinh mâu thuẫn. Nay chị Mẩy xin ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng sinh được ba con chung đúng như chị Mẩy đã khai, hiện tại anh đang đi thi hành án phạt tù, không có điều kiện chăm các cháu, anh đồng ý để chị Mẩy nuôi cả ba cháu.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát có quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016. Đề nghị giải quyết tuyên bố chị M và anh Lù không phải là vợ chồng. Về con chung giao cho chị M nuôi dưỡng cả ba cháu. Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Chảo Kin L trước khi đi thi hành án phạt tù có địa chỉ tại thôn D, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên Tòa hôm nay chị Hoàng Tả M và anh Chảo Kin L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hoàng Tả M và anh Chảo Kin L.

[2] Chị Hoàng Tả M và anh Chảo Kin L về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/2001 không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 qui định " nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Từ sau ngày 01/01/2003 đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định: "Việc kết hôn không được đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Như vậy hôn nhân giữa chị Mẩy và anh Lù không có giá trị pháp lý, không được pháp luật bảo vệ, nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Mẩy xin ly hôn. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Hoàng Tả M và anh Chảo Kin L là vợ chồng.

[3] Về con: Chị Hoàng Tả M và anh Chảo Kin L sinh được ba con, cháu thứ nhất tên là Chảo Tả Mẩy, sinh ngày 29/11/2002; cháu thứ hai tên là Chảo Lở M, sinh ngày 27/6/2005; cháu thứ ba tên là Chảo Láo T, sinh ngày 01/6/2007. Hiện tại cả ba cháu đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi cả ba cháu, không yêu cầu anh Chảo Kin L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy bản thân anh Chảo Kin L đang đi thi hành án phạt tù tại Đội 41, phân trại số 1, Trại giam H. Mặt khác các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, chấp nhận yêu cầu của chị Mẩy, giao cả ba cháu cho chị M nuôi đưỡng. Do chị M không yêu cầu anh Chảo Kin L cấp dưỡng, vì vậy anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016.

Chị Hoàng Tả M phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Hoàng Tả M và anh Chảo Kin L là vợ chồng.

2. Về con: Chị Hoàng Tả M được nuôi dưỡng cháu Chảo Tả Mẩy, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2002; cháu Chảo Lở Mẩy, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2005; cháu Chảo Láo Tả, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2007 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Chảo Kin L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về Án phí: Chị Hoàng Tả M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số AB/2012/0003391 ngày 13 tháng 5 năm 2020. Chị Hoàng Tả M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát;
- Đương sự (2);
- THA DS;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến